

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Dự toán các nhiệm vụ năm 2026;
- Tên gói thầu: Mua 01 xe ô tô theo chức danh (đợt 2) của Văn phòng Bộ
- Giá gói thầu: **1.400.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn*);
- Chủ đầu tư: Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng;
- Thời gian thực hiện: Năm 2026;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày;
- Địa điểm: Trụ sở Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chung loại xe: Xe ô tô sedan 5 chỗ loại xăng lai điện (Hybrid)
- Hàng hóa đề xuất phải nêu rõ tên hàng hóa, năm sản xuất, model/ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
- Hàng hóa đề xuất phải có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu; Đối với tài liệu bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, cần cung cấp bản dịch thuật công chứng tiếng Việt.
- Cam kết cung cấp giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) hoặc Tờ khai hải quan hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do Cục đăng kiểm cấp và bản sao giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) nếu là hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa trong nước
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2026 trở đi.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 03 năm (36 tháng) hoặc  $\geq 100.000$  km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi 2 bên ký biên bản bàn giao, nghiệm thu.

- Địa điểm bảo hành: Tại các đại lý, xưởng dịch vụ ủy quyền của hãng sản xuất trên toàn quốc.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật đáp ứng tối thiểu theo bảng sau:

THÔNG TIN CHUNG	YÊU CẦU
<b>Số chỗ</b>	5
<b>Kiểu dáng</b>	Sedan
<b>Xuất xứ</b>	
<b>Nhiên liệu</b>	Xăng
<b>Màu ngoại thất</b>	Đen
<b>Năm sản xuất</b>	2026
<b>1. ĐỘNG CƠ &amp; KHUNG XE</b>	
<b>Kích thước</b>	
Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm)	$\geq 4920 \times 1840 \times 1445$
Chiều dài cơ sở (mm)	2825
Chiều rộng cơ sở (Trước/Sau) (mm)	$\geq 1580/1590$
Khoảng sáng gầm xe (mm)	$\geq 140$
Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	5.8
Trọng lượng không tải (kg)	1665
Trọng lượng toàn tải (kg)	2100
Dung tích bình nhiên liệu (L)	50
<b>Tiêu chuẩn khí thải</b>	Euro 5 w OBD
<b>Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)</b>	
Trong đô thị	$\leq 4.2$
Ngoài đô thị	$\leq 4.2$
Kết hợp	$\leq 4.2$
<b>Động cơ thường</b>	
Loại động cơ	
Số xy lanh	4 xy lanh thẳng hàng
Dung tích xy lanh (cc)	$\leq 2487$
Hệ thống van biến thiên	
Loại nhiên liệu	Xăng
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	$\geq (137)184/ 5700$
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	$\geq 221/ 3600-5200$
<b>Động cơ điện</b>	
Công suất tối đa ((KW) HP/vòng/phút)	$\geq 100$
Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút)	$\geq 202$
<b>Ắc quy Hybrid</b>	
Loại	Lithium
<b>Truyền lực</b>	
Loại dẫn động	Dẫn động cầu trước

Hộp số	Số tự động vô cấp E-CVT
Các chế độ lái	≥ 3 chế độ (Tiết kiệm, thường, thể thao)
<b>Hệ thống treo</b>	
Trước	Mc Pherson
Sau	Tay đòn kép
<b>Hệ thống lái</b>	
Loại	Trợ lực điện
<b>Vành &amp; lốp xe (bao gồm lốp dự phòng)</b>	
Loại vành	Hợp kim
Kích thước lốp	235/45R18
<b>Phanh</b>	
Sau	Đĩa
Trước	Đĩa tản nhiệt
<b>2. NGOẠI THẤT</b>	
<b>Cụm đèn trước</b>	
Đèn chiếu gần	LED
Đèn chiếu xa	LED
Đèn chiếu sáng ban ngày	LED
Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
Hệ thống cân bằng góc chiếu	Có
<b>Cụm đèn sau</b>	
Đèn vị trí	LED
Đèn phanh	LED
Đèn báo rẽ	LED
Đèn lùi	LED
<b>Đèn báo phanh trên cao</b>	
Loại	LED
<b>Gạt mưa</b>	
Trước	Gạt mưa tự động
<b>Chức năng sấy kính sau</b>	Có
<b>Ăng ten</b>	Có
<b>Tay nắm cửa ngoài xe</b>	Cùng màu thân xe
<b>Gương chiếu hậu ngoài</b>	
Chức năng điều chỉnh điện	Có
Chức năng gập điện	Tự động
Tích hợp đèn báo rẽ	Có
Tích hợp đèn chào mừng	Có
Chức năng tự điều chỉnh khi lùi	Có
Bộ nhớ vị trí	Có (2 vị trí)
<b>Đèn sương mù</b>	

Trước	LED
<b>3. NỘI THẤT</b>	
<b>Tay lái</b>	
Loại tay lái	3 chấu
Chất liệu	Da
Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
Điều chỉnh	Chỉnh điện 4 hướng
Lẫy chuyển số	Có
Bộ nhớ vị trí	Có
<b>Gương chiếu hậu trong</b>	Chống chói tự động
<b>Tay nắm cửa trong xe</b>	Mạ crôm hoặc tương đương
<b>Cụm đồng hồ</b>	
Loại đồng hồ	Digital hoặc Analog
Đèn báo hệ thống Hybrid	Có
Màn hình hiển thị đa thông tin	TFT 12.3'
<b>4. GHẾ</b>	
<b>Ghế trước</b>	
Chất liệu bọc ghế	Da
Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện 10 hướng
Bộ nhớ vị trí	Ghế người lái ( 2 vị trí)
<b>Ghế sau</b>	
Hàng ghế thứ hai	Ngả lưng chỉnh điện
Tựa tay hàng ghế sau	Có
<b>5. TIỆN NGHI</b>	
<b>Hệ thống âm thanh</b>	
Màn hình	Màn hình cảm ứng 12.3 inch
Số loa	≥ 9 loa
Cổng kết nối USB	Có
Kết nối Bluetooth	Có
Hệ thống điều khiển bằng giọng nói	Có
Chức năng điều khiển từ hàng ghế sau	Có
Hệ thống đàm thoại rảnh tay	Có
Kết nối điện thoại thông minh	Có
<b>Các tiện nghi khác</b>	
Cửa sổ trời	Có
Rèm che nắng kính sau	Chỉnh điện
Rèm che nắng cửa sau	Chỉnh tay
Hệ thống điều hòa	Tự động 3 vùng độc lập
Cửa gió phía sau	Có
Cổng kết nối USB phía sau	Có

Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm	Có
Phanh tay điện tử	Có
Hiển thị thông tin trên kính lái	Có
Sạc không dây	Có
Cửa sổ điều chỉnh điện	Có
Chức năng khóa cửa từ xa	Có
Khóa cửa điện	Có (Tự động theo tốc độ)
Hệ thống điều hòa lọc Ion âm (Nanoe X)	Có
<b>6. AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM</b>	
<b>Hệ thống báo động</b>	Có
<b>Hệ thống mã hóa khóa động cơ</b>	Có
<b>7. AN TOÀN BỊ ĐỘNG</b>	
<b>Hệ thống an toàn chủ động Toyota Safety Sense</b>	
Cảnh báo tiền va chạm (PSC)	Có
Hỗ trợ giữ làn đường	Có
Điều khiển hành trình chủ động	Có (Mọi dải tốc độ)
Đèn chiếu xa tự động	Có
Cảnh báo lệch làn đường (LDA)	Có
<b>Cảm biến hỗ trợ đỗ xe</b>	
Sau	Có (2)
Góc trước	Có (2)
Góc sau	Có (2)
Trước	Có (2)
<b>Các tính năng an toàn chủ động khác</b>	
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)	Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo (A-TRC)	Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	Có
Hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS)	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)	Có
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)	Có
Camera hỗ trợ đỗ xe	Camera 360
Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn	Có
Phanh hỗ trợ đỗ xe	Có
<b>8. AN TOÀN CHỦ ĐỘNG</b>	
<b>Túi khí</b>	
Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có (2)
Túi khí bên hông phía trước	Có (2)

Túi khí rèm	Có (2)
Túi khí đầu gối người lái	Có (1)
<b>Khung xe GOA</b>	Có
<b>Dây đai an toàn</b>	3 điểm ELR, 5 vị trí

## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Hàng hóa được kiểm tra ngay sau khi giao hàng tại địa điểm giao hàng.

- Chi phí cho việc kiểm tra và mọi chi phí phát sinh khác do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, tùy tình hình cụ thể bên mua sẽ đưa ra yêu cầu cụ thể, bên cung cấp có trách nhiệm đáp ứng.

- Trước khi nghiệm thu, thiết bị sẽ được chạy thử nghiệm theo thông số kỹ thuật yêu cầu của gói thầu.